TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2019/DS-ST
Ngày 14/8/2019
V/v Tranh chấp:"Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXXST-DS ngày 19/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-DS ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thanh N** (tên thường gọi Bé Hòa), sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 5A Lê Thị Hồng G, phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1981 (có mặt). Địa chỉ: 25/1 Đoàn Thị N1, khu phố chín, phường năm, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 14/01/2019).

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn M**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4A Lê Thị Hồng G, phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4A Lê Thị Hồng G, phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

- Bà **Ngô Thị C**, sinh năm 1947 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 19/9 Lê Thị Hồng G, phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- Bà **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 159 ấp Thới T1, xã Thới S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/01/2019 của nguyên đơn chị Trần Thanh N và trong quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Ngày 25/6/2016, chị N có cho anh M vay số tiền 50.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 25/6/2016), trong biên nhận không có ghi

lãi nhưng có thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Thỏa thuận khi cần lấy lại tiền vốn thì sẽ báo trước 30 ngày. Sau khi vay thì anh M không có đóng lãi và cũng không có trả vốn. Đến tháng 7/2016, chị N có đến gặp anh M báo trước là sẽ lấy lại tiền vốn và yêu cầu trả tiền lãi nhưng anh M không trả cho đến nay. Nay chị N yêu cầu anh M trả số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 25/6/2016 đến khi xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1%/tháng (tiền lãi tạm tính đến ngày 25/5/2019 là 35 tháng với số tiền lãi là 17.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Đỗ Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Kim Trang, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh M, chị Trang vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nguyên đơn khởi kiện.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà có nghe chị N nói lại là có cho anh M mượn số tiền 50.000.000 đồng (không nhớ ngày tháng năm), bà không có chứng kiến việc hai bên giao nhận tiền, viết giấy nợ, thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất bao nhiêu. Đến năm 2017, chị N có nhờ bà qua anh M lấy tiền để lo cho con chị N bị té xe thì anh M hẹn lần lượt. Tháng 9/2017, bà có gặp anh M 03 lần, anh M hẹn 10 ngày sau trả nhưng đến nay thì không trả tiền cho chị N.

- Người làm chứng bà Ngô Thị C trình bày: Bà không chứng kiến việc cô N đưa tiền cho anh M, nhưng bà biết việc anh M có mượn của cô N 50.000.000 đồng vì bà thấy cô N nhiều lần sang nhà anh M đòi số tiền trên, nhưng anh M hứa nhưng đến nay vẫn chưa trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đỗ Văn M, chị Nguyễn Thị Kim Trang đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Bà Ngô Thị C, Nguyễn Thị Kim D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị Trang, bà C, bà D.

[2] Về quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thanh N và anh Đỗ Văn M là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố MT.

[3] Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Chị N yêu cầu anh M trả số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2016 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 14/8/2019 là 37 tháng 20 ngày, chỉ yêu cầu tính tròn 37 tháng, tính mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Bị đơn anh Đỗ Văn M vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là Biên nhận ngày 25/6/2016, nội dung biên nhận: "Hôm nay ngày 25/6/2016 tôi Đỗ Văn M, sinh năm 1972, ngụ 4A Lê Thị Hồng G, phường

sáu, thành phố MT, Tiền Giang có mượn của Bé H số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), đóng lãi hàng tháng. Nếu có cần lấy lại thì cho hay trước 30 ngày".

Căn cứ vào Biên nhận 25/6/2016, anh M mượn tiền của chị Bé Hòa. Theo giấy xác nhận ngày 18/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường sáu, thành phố MT: Chị Trần Thanh N có tên thường gọi là Bé H. Tại tòa, anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Sau khi vay anh M không có trả vốn, lãi cho chị N, đến tháng 7/2016 chị N có đến báo trước (báo miệng) cho anh M biết là sẽ lấy tiền vốn lại, nhưng từ đó cho đến nay chị N đã đòi nhiều lần nhưng anh M không trả vốn, lãi cho chị N. Như vậy, anh M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, chị N yêu cầu anh M phải trả cho chị 50.000.000 đồng tiền vốn là có căn cứ quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 25/6/2016 đến ngày 14/8/2019 là 37 tháng 20 ngày, nhưng yêu cầu tính tròn 37 tháng theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, được chấp nhận.

Tiền lãi tính như sau: 50.000.000 đồng x 0,83% x 37 tháng = 15.355.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 50.000.000đ + 15.355.000 đồng = 65.355.000 đồng. Do đó, buộc anh M có nghĩa vụ trả cho chị N 65.355.000 đồng.

[6] Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện nguyên đơn trình bày các bên không thỏa thuận được, yêu cầu áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 65.355.000 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là (65.355.000 đồng x 5%) 3.267.750 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh N.

Buộc anh Đỗ Văn M có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thanh N số tiền 65.355.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi 15.355.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn M phải chịu 3.267.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trần Thanh N 1.487.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013789 ngày 20/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi cục THADS TP.MT;
- Các đương sự:
  + Chị Trần Thanh N;
  + Anh Đỗ Văn M;
  + Chị Nguyễn Thị Kim T;
- Lưu hồ sơ vụ án-s.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Sang